

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI
phúc**

Bản án số: **111/2026/HSST**
Ngày: 09-03-2026.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thế Cần

*Ông **Trần Hữu Hậu***

- Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2026; đối với bị cáo:

Họ và tên bị cáo: **Bùi Văn D**; Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03/9/1989, tại Hải phòng.

Nơi thường trú: Tổ 32, khu phố 3, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai

Nơi ở: Tổ 14, khu phố 5A, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không

Họ tên cha: Ông **Bùi Văn T**; sinh năm 1963 (còn sống); Họ tên mẹ bà **Đào Thị M**, sinh năm 1963 (còn sống).

Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Vợ: **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh năm 1990, có 02 con; Lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 10/9/2024. Toà án nhân dân quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 183/2024/HS-ST ngày 10/9/2024; Chấp hành xong án phạt tù ngày 27/01/2025 (Theo giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 053/GCN ngày 27/01/2025 của Cơ quan thi hành án hình sự, **Công an thành phố H**)

Bị cáo **Bùi Văn D** bị tạm giữ từ ngày 22/10/2025, chuyển tạm giam theo lệnh tạm giam số 5111/LTG – VPCQCSĐT ngày 30/10/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ**. Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam **T**, Trại tạm giam số 1 **Công an tỉnh Đ**.

Điểm cầu trung tâm: Hội trường 7 – Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – **Đồng Nai (số A đường N, phường T, tỉnh Đồng Nai)**.

Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến tại Phân trại tạm giam **T** – Trại tạm giam số 1 **Công an tỉnh Đ**.

Bị hại: Anh **Nguyễn Minh S**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: **2 khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Nai**.

Người làm chứng: Ông **Tô Văn N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Tổ D, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai**.

Ông **Nguyễn Tiến Q**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **Ấp S, xã T, tỉnh Đồng Nai**

Bị cáo **Diện** có mặt tại phiên tòa, anh **S**, ông **N**, ông **Q** vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn D có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 21/10/2025, **D** đi vào khu vực bãi giữ xe của **Bệnh viện Đ**, thuộc **phường T, tỉnh Đồng Nai**. Tại đây, **D** phát hiện xe mô nhĩn hiệu Honda, kiĩu SH Mode, màu sảm, biển số 60F3-545.93 của anh **Nguyễn Minh S**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: **số B khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Nai** gửi quên không đóng cĩp xe. Thấy không có người để ý, **D** đi đến dùng tay mở cĩp xe và trộm cắp của anh **S** 01 (mĩt) bộ tai nghe, nhĩn hiệu Apple AirPods Pro1 màu trắng gồm 02 tai nghe để trong hộp səc màu trắng, **D** cất giấu bộ tai nghe vào túi áo khoác đang mặc trên người, đóng cĩp xe lại và bỏ đi. Sau khi phát hiện mình bị trộm mất bộ tai nghe trên, anh **Nguyễn Minh S** có báo vụ việc cho anh **Tô Văn N**, sinh năm 1987 là tổ trưởng tổ bảo vệ của bãi giữ xe **bệnh viện Đ** 2 biết. Đến 11 giờ 05 phút cùng ngày 22/10/2025, **D** tiếp tục đến bãi giữ xe của **Bệnh viện Đ** xem có ai sơ hở về tài sản để trộm cắp thì bị nhĩn viên bảo vệ của bãi giữ xe phát hiện và trình báo **cĩng an phường T**, tỉnh Đồng Nai đến kiểm tra, thu giữ trên người **Diện** 01 bộ tai nghe, nhĩn hiệu Apple AirPods Pro1 màu trắng (gồm 02 tai nghe) để trong hộp səc màu trắng. **D** khai nhận bộ **T2** nghe trên là do trộm cắp trong cĩp xe mô tô biển số 60F3-545.93 của **Nguyễn Minh S** tại bãi giữ xe của **Bệnh viện Đ** vào ngày 21/10/2025. **Cĩng an phường T** lập hồ sơ xử lý **Diện** theo quy định.

Vật chứng thu giữ: 01 (mĩt) bộ tai nghe, nhĩn hiệu Apple AirPods Pro1 màu trắng gồm 02 tai nghe để trong hộp səc màu trắng, đã điều tra làm rõ là tài sản hợp pháp của anh **Nguyễn Minh S**. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh **S**.

01 (mĩt) USB chứa dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo chuyển theo hồ sơ vụ án.

Kết quả định giá tài sản số: 08/KL-HĐ ĐG TS ngày 12/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 (một) bộ tai nghe, nhãn hiệu Apple AirPods Pro1 màu trắng, Seri: H6QHT8NR1059; Model: A2190EMC3326, trị giá 950.000.đ (chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: anh **Nguyễn Minh S** đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về dân sự

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo **Bùi Văn D** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 179./CT-VKSKV1 ngày 13/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, truy tố bị cáo **Bùi Văn D** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm h, s khoản 1, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo **Bùi Văn D** từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vật chứng vụ án: 01 bộ tai nghe, nhãn hiệu Apple AirPods Pro1 màu trắng gồm 02 tai nghe, loại không dây đã điều tra làm rõ là tài sản hợp pháp của anh **Nguyễn Minh S**, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh **S**.

01 USB chứa dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo lưu vào hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo **Bùi Văn D** không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- tỉnh Đồng Nai, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng tại phiên tòa: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: **Bùi Văn D** có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, khoảng 11 giờ 20 phút ngày 21/10/2025, tại khu vực bãi giữ xe của **Bệnh viện Đ**, thuộc phường T, tỉnh Đồng Nai, **Bùi Văn D** có hành vi trộm cắp 01 bộ tai nghe, nhãn hiệu Apple AirPods Pro1 màu trắng gồm 02 tai nghe, loại không dây của anh **Nguyễn Minh S** trị giá 950.000đ (chín trăm năm mươi ngàn đồng) thì bị bắt.

Xét thấy tài sản bị cáo **D** chiếm đoạt là 01 (một) bộ tai nghe nhãn hiệu Apple AirPods Pro1 màu trắng gồm 02 tai nghe, loại không dây của anh **Nguyễn Minh S** trị giá 950.000đ (chín trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng trước đó ngày 10/9/2024 bị cáo **Bùi Văn D** bị Toà án nhân dân quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 183/2024/HS-ST ngày 10/9/2024; Chấp hành xong án phạt tù ngày 27/01/2025 chưa được xóa án tích tiếp tục phạm tội. Đây là tình tiết định khung không xem là tình tiết tăng nặng cho bị cáo nên hành vi của bị cáo **Bùi Văn D** đã có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như sau

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168; 169; 170; 171; 172; 174; 175 và Điều 290 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

[3]. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo **D** đã bị xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản không lấy đó làm bài học kinh nghiệm sửa đổi bản thân tiếp tục phạm tội. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức án đủ nghiêm, tương xứng với hành vi vi phạm của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo chấp hành nghiêm pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm h, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Về trách nhiệm dân sự: Anh **Nguyễn Minh S** đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

01 USB chứa dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo lưu vào hồ sơ vụ án.

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về xác định tội danh, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo **Bùi Văn D** phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm h, s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo **Bùi Văn D** phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn D** **06 (sáu)** tháng tù.
- Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2025.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo **Bùi Văn D** phải nộp 200.000.đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV1 - Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV06 CA T. Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Đó

